

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Che kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Đề cáo soát; xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Truyềnl minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 62

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, ủi nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc thiết bị công nghiệp; và dịch vụ liên kế công nghiệp, máy móc, xe cộ, và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19 Khu Công nghiệp Biên Hòa II Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có Văn phòng đại diện tại Tầng 16, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 56 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Văn Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Mỹ	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Stephen Patrick Gora	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Xuân Diên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Leo Yong Bum	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Báo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Adrian Teng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Mai Phước Nghệ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Sánh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Công Tự	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG (tếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nếu có các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và có độ phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết để tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tray mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 6 năm 2019

Số liên lạc: 610061617 10060621 B-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 62, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 8 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sát tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về ngoại đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Mục đích soát xét và cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trong yếu tố thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 6 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
và ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

Mã số	Mô tả	Đơn vị tính	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.719.545.725	49.888.341.672
110	I. Tiền	\$	623.643.818	607.809.500
111	1. Tiền		622.697.518	607.809.500
112	2. Các khoản tương đương tiền		946.300	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.496.231.710	2.622.741.248
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	178.645.721
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	\$	2.496.231.710	2.444.095.528
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.269.112.140	17.417.844.352
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	4.328.670.894	4.305.533.790
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	13.960.303.092	8.770.677.881
135	3. Thẻ thu và cho vay ngắn hạn	9	1.922.920.179	1.073.907.030
136	4. Thẻ thu ngắn hạn khác	10	3.889.290.483	3.313.062.034
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7-9	(47.810.253)	(48.044.714)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.718.845	2.637.541
140	IV. Hàng tồn kho	12	30.000.352.798	27.933.055.088
141	1. Hàng tồn kho		30.156.508.211	28.007.553.892
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(156.155.413)	(74.308.824)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.245.205.161	1.087.091.400
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	19	257.018.503	155.137.052
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	23	960.115.781	909.271.486
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	23	15.072.854	22.682.868
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.529.916.225	25.187.406.968
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		130.840.098	125.562.781
215	1. Thẻ thu và cho vay dài hạn	11	14.950.000	14.850.000
216	2. Thẻ thu dài hạn khác	10	116.240.098	110.862.781
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(250.000)	(250.000)
220	II. Tài sản cố định		12.790.422.287	11.893.050.412
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	8.502.564.275	7.565.185.006
222	Nguyên giá		12.950.595.961	11.775.508.986
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.348.031.686)	(4.209.323.980)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	4.287.858.012	4.328.864.408
228	Nguyên giá		4.513.336.014	4.553.293.552
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(255.477.002)	(226.432.146)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	2.212.426.484	2.235.817.925
231	1. Nguyên giá		2.271.584.891	2.271.584.891
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(59.158.407)	(35.868.768)
240	IV. Tài sản chờ đang dài hạn		7.288.644.762	6.450.764.966
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	7.288.644.762	6.450.764.966
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		775.748.023	68.919.987
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	10.619.618	8.119.518
255	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	765.128.405	62.802.569
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.331.737.572	4.993.289.885
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	530.587.954	473.216.110
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.3	52.452.895	1.455.411
289	3. Lợi thế thương mại	20	3.748.696.723	3.919.618.364
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		86.248.361.951	74.836.847.628

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 8 năm 2019

Đơn vị: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 8 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		51.334.868.330	43.673.929.801
310	I. Nợ ngắn hạn		46.220.452.683	40.781.960.266
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	21	14.096.507.849	13.002.994.622
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22	1.469.366.500	2.204.548.251
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	837.252.715	1.281.095.615
314	4. Phải trả người lao động		89.185.164	4.203.776
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	1.293.532.253	1.705.080.816
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		43.538.436	2.584.812
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	25	1.510.757.373	196.062.676
320	8. Vay ngắn hạn	26	26.627.416.940	22.270.191.920
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	27	116.270.897	93.670.290
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.179.726	11.547.283
330	II. Nợ dài hạn		6.114.515.647	2.891.969.535
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		339.481	757.983
337	2. Phải trả dài hạn khác	28	48.989.055	37.969.555
338	3. Vay dài hạn	29	4.309.222.476	2.618.559.721
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.3	227.622.376	205.207.937
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		27.332.259	29.364.309
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		34.913.393.621	31.161.917.727
410	I. Vốn chủ sở hữu		34.913.393.621	31.161.917.727
411	1. Vốn cổ phần	28.1	16.950.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.950.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	28.1	3.620.919.783	29.878.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	28.1	22.174.500	15.799.800
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.1	331.122	5.703.503
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28.1	10.917.292.993	11.152.685.358
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ kế toán cuối kỳ trước		9.110.705.850	4.662.349.432
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.806.587.143	6.500.335.926
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28.6	3.402.674.923	3.377.850.229
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		86.248.361.951	74.835.847.528

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	26.846.842.245	27.753.447.275
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	(11.095.646)	(2.029.652)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	26.835.746.599	27.751.417.623
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(21.935.537.811)	(22.282.241.835)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.900.108.688	5.469.175.788
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	406.179.943	388.356.276
22	7. Chi phí tài chính	32	(1.217.399.424)	(889.563.865)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	32	(877.796.156)	(275.738.586)
25	8. Chi phí bán hàng	31	(1.177.636.249)	(893.890.825)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(989.367.219)	(915.335.818)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.821.885.738	3.359.741.555
31	11. Thu nhập khác	33	83.675.280	68.214.500
32	12. Chi phí khác	33	(67.232.817)	(100.789.520)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	33	16.442.363	(32.575.020)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.938.328.102	3.326.166.535
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.2	(138.318.456)	(317.232.806)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	35.3	28.673.075	34.871.359
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.828.682.721	3.043.805.088
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.806.987.143	3.003.370.161
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		22.095.578	40.434.927
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	28.5	1.070	1.811
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	28.9	1.070	1.811

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019


Đơn vị: **Ngàn VND**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.938.328.102	3.328.168.535
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 20	973.435.285	745.043.109
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng		12.154.482	(2.373.950)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		44.532.910	80.028.543
05	(Lãi) ò từ hoạt động đầu tư		(77.739.108)	64.734.511
06	Chi phí lãi vay	32	677.795.196	275.732.526
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.558.517.790	4.492.337.325
09	Tăng các khoản phải thu		(5.909.770.503)	(3.117.527.999)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.140.145.319)	(975.223.867)
11	Tăng các khoản phải trả		199.515.001	8.203.956.260
12	Tăng chi phí trả trước		(109.253.205)	(53.024.780)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		176.645.721	123.076.637
14	Tiền lãi vay đã trả		(893.300.860)	(475.118.771)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	35, 2	(306.991.531)	(248.412.205)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.445.038)	(624.957)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(5.405.238.983)	8.002.006.607
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.845.182.081)	(1.725.035.196)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		143.752.369	166.226.281
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay		(901.052.063)	(18.559.886)
24	Tiền thu nội khoản tiền gửi tiết kiệm		1.593.728	44.031.153
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(708.528.036)	-
27	Lãi tiền gửi và cho vay nhận được		14.512.452	16.773.377
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(4.292.601.630)	(1.515.674.241)

BẢNG CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp của cổ đông không kiểm soát		3.986.040.946	400.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		41.514.918.881	19.974.516.097
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(31.953.237.044)	(25.428.947.204)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(756.045.444)	(1.087.930.995)
38	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát			(7.272.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính	28.3	9.793.674.338	(6.139.032.802)
60	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		15.833.726	347.301.784
60	Tiền đầu kỳ		607.809.500	450.085.202
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		692	(27.761)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	623.843.918	797.359.205


Trần Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 23 tháng 8 năm 2019